TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÀ BẮC** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ/ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ
Ngày: 30/09/2022
(V/v yêu cầu ly hôn,nuôi con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Văn Lự**.
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đinh Trọng Huề**
Bà Phạm Thị Dần.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Ông Bùi Thanh Tùng**
- Đại diện VKSND huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Diệu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc,tỉnh Hòa Bình, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 04 năm 2021, về việc yêu cầu ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/QĐST- HNGĐ ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Bàn Thị Th** - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm T, xã C, huyện Đ,tỉnh Hòa Bình. Có mặt

2. Bị đơn: **Anh Triệu Văn T** - sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm T, xã C, huyện Đ, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt lần hai, không có lý do.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc: Ông **Nguyễn Đinh Hoàng** - Chức vụ Phó giám đốc làm đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Bàn Thị Th và anh Triệu Văn T kết hôn ngày 13/9/2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C,

huyện Đ, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn sau đó xảy ra mâu thuẫn, anh T thay đổi tính nết thường xuyên rượu chè chơi bời lêu lổng không quan tâm gì đến gia đình bỏ mặc vợ con, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm lối sống mặc dù gia đình họ hàng hai bên đã khuyên giải nhưng anh T không nghe. Đến cuối năm 2019 chị Th không chịu đựng được cảnh sống chung nên đã cùng con trai là cháu Triệu Đức Kh bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và đi làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Th thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Triệu Đức Kh, SN 10/4/2014 hiện đang ở với chị Th và ông bà ngoại tại xóm T, xã C, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Chị Bàn Thị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và chưa yêu cầu anh Triệu Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đà Bắc số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi theo hợp đồng vốn vay chăn nuôi. Số tiền này là do anh T vay và anh T phải có nghĩa vụ trả nợ, ngoài ra không có khoản nợ nào khác.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh T nhiều lần nhưng anh T không hợp tác và không có mặt ở Tòa án để Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Th và anh T. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 14/3/2022, anh Triệu Văn T bị cưỡng chế hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 02/QĐ-TA ngày 11/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, do đó ngày 13/7/2022, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai và hòa giải ở tại Trung tâm cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Hòa Bình. Anh T xác nhận điều kiện hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Th tự khai và trình bày là đúng nhưng anh T không đồng ý ly hôn chị Th và không ký bất cứ văn bản gì.

Về con chung: Anh T xác nhận hai vợ chồng có 01 con chung tên là Triệu Đức Kh, SN 10/04/2014, hiện nay đang ở với chị Th và ông bà ngoại. Anh T thể hiện quan điểm bản thân anh T đang chấp hành hình thức cai nghiện bắt buộc do đó đồng ý để chị Th nuôi dưỡng chăm sóc.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh T xác nhận hiện anh còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay vốn chăn nuôi ngày 25/12/2020. Số tiền vay này anh T xác nhận anh có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đà Bắc, ngoài ra không có khoản nợ nào khác.

Ngày 30/07/2022 anh Triệu Văn T trốn khỏi cơ sở cai nghiện cho đến nay. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã C và tống đạt hợp lệ các quyết

định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Triệu Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên toà, chị Bàn Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với anh Triệu Văn T và đề nghị được nuôi con chung và chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Triệu Văn T là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS 2015.

- Về nội dung: Từ những tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, thấy rằng hôn nhân giữa chị Bàn Thị Th và anh Triệu Văn T là tự nguyện song anh T hay rượu chè cờ bạc, suốt ngày chơi bời lêu lổng, không tu chí làm ăn, hiện là đối tượng nghiện đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc số 1 tỉnh Hòa Bình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị Th với anh Triệu Văn T.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị Bàn Thị Th và dựa vào nội dung các lời khai của anh Triệu Văn T, cháu Triệu Đức Kh trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục cho cháu Triệu Đức Kh đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Triệu Đức Khiêm - SN 10/04/2014 cho chị Bàn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đề nghị tuyên các quyền và nghĩa vụ đối với con chung căn cứ theo các điều 81, 82, 83, 84 luật HNGĐ 2014.

Về tài sản chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Triệu Văn T thừa nhận anh có 01 khoản vay 50 triệu đồng của NHCSXHVN chi nhánh huyện Đà Bắc, anh T nhận nghĩa vụ trả nợ khoản vay này khi đến kỳ hạn trả nợ, đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của anh T.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS 2015; điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nguyên đơn chị Bàn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

Về quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Chị Bàn Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Triệu Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã C, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Do đó căn cứ tại khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án triệu tập và thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh Triệu Văn T vắng mặt tại Tòa án, nên không tiến hành hòa giải được tại Tòa án. Ngày 14/3/2022, anh Triệu Văn T bị cưỡng chế hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Hòa Bình, do đó Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và hòa giải nhưng anh T có thái độ không hợp tác với Tòa án. Ngày 30/7/2022, anh T đã trốn khỏi cơ sở cai nghiện cho đến nay. Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, giấy tờ theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227,228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Anh T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91,96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị Th và anh Triệu Văn T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình từ năm 2013, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn anh T chơi bời lêu lổng không quan tâm gì đến gia đình vợ con. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh cũng như hòa giải tại cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh Hòa Bình vào ngày 13/7/2022 nhưng anh T không hợp tác với Tòa án cũng như tại phiên tòa anh T vắng mặt mà không có lý do thể hiện việc anh Triệu Văn T không có thiện chí để đoàn tụ với chị Bàn Thị Th.

Qua xác minh mâu thuẫn vợ chồng là có thật điều này được khẳng định qua biên bản xác minh tại xóm T, xã C, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình và tại cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh Hòa Bình kết quả: Anh Triệu Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã C, huyện Đà Bắc, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, mấy năm nay chị Th và anh T sống ly thân nhau không quan tâm gì đến nhau, anh T chơi bời liêu lổng không quan tâm gì đến gia đình vợ con, là đối tượng nghiện ma túy đã bị cưỡng chế hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 02/QĐ-TA ngày 11/02/2022, trong quá

trình cai nghiện anh T đã trốn khỏi Cơ sở Cai nghiện ngày 30/7/2022 cho đến nay. Chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ đầu năm 2019.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị Th đối với anh Triệu Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Triệu Đức Kh, sinh ngày 10/04/2014, hiện nay cháu Kh đang sống cùng với chị Th và ông bà ngoại và đang học lớp 2 Trường tiểu học cơ sở T, xã C. Xét thấy, chị Bàn Thị Th có công việc ổn định, còn anh T là đối tượng nghiện ma túy và không có công việc ổn định, đồng thời nguyện vọng của cháu Kh là muốn sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó cần bảo vệ quyền lợi ích cho cháu Kh, cần giao cháu Triệu Đức Kh cho chị Bàn Thị Th nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị Bàn Thị Th chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Cần chấp nhận đề nghị của anh Triệu Văn T về việc chịu trách nhiệm trả số tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh khi đến hạn cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình từ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo sổ vay vốn số: 7104981280 ngày 25/12/2020.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 BLTTDS.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân & gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản ly và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị Th và anh Triệu Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Đức Kh, sinh ngày 10/04/2014 cho chị Bàn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Triệu Đức Kh đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật; Ghi nhận chị Bàn Thị Th chưa yêu cầu anh Triệu Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Triệu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh Triệu Văn T thực hiện quyền này. Khi có thay đổi, anh T, chị Th có quyền làm đơn thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Triệu Văn T chịu trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi phát sinh khi đến hạn cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* theo sổ vay vốn số: 7104981280 ngày 25/12/2020.

5. Về án phí: Chị Bàn Thị Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003454 ngày 19/04/2021 của Chi cục THADS huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình. Chị Th đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND T. Hòa Bình;
- VKSND H. Đà Bắc;
- CA huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS Đà Bắc;
- Các Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn VănLự